



CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
RANGDONG LIGHT SOURCE & VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY  
PHÒNG THỬ NGHIỆM VILAS 126

Add: 87-89, Hadingh Str - Thanh Xuan Dist - Hanoi - Vietnam

Tel: (84.24) 38584310 - 38584165 Fax: (84.24) 38585038

Email: ralaco@rangdong.com.vn Website: rangdong.com.vn

Số/No.: 24.06.01 / TN - 33

Trang/Page: 1 / 2

- Tên mẫu thử: Đèn LED Highbay HB02 500/200W 6500K  
Name of sample
- Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
Customer Địa chỉ: 87-89 Phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông  
Manufacturer
- Số lượng mẫu: 01 cái  
Quantity of samples
- Ký hiệu: HB02 500/200W  
Model
- Mã số mẫu: 24.06.01.33  
Code of sample
- Ngày nhận mẫu: 01/ 06/ 2024  
Date of reception
- Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7722-1:2017/ IEC 60598-1:2014  
Standard applies TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014
- Kết quả: Xem trang 02/ 02  
Result

Thử nghiệm viên/Tester  
(Họ tên và chữ ký/name and signature)

  
Nguyễn Minh Thư

Hanoi, Date of 10/ 06/ 2024  
KT. Trưởng PTN/ Head of Lab.  
(Họ tên và chữ ký/name and signature)



Kim Tuấn Anh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng mang tới/ This result of testing is only for sample brought in the by customer
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Công ty/ Copying of part of this result is prohibited without agreement by the company.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo khai báo của khách hàng./ Name of sample and name of customer is written according to the declaration of the customer

PTN.TT02.BM04 Ban hành lần 1.1

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****Test Results**

| TT/<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Specifications                                                                                  | Đơn vị<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method             | Yêu cầu<br>Requirement                 | Kết quả<br>Result |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------|
| 1         | Ghi nhãn                                                                                                        |                | TCVN 7722-1:2017/<br>IEC 60598-1:2014      | Rõ ràng, đủ độ bền                     | Đạt               |
| 2         | Thử nóng ẩm trong 48 giờ ở nhiệt độ $(20 \div 30) ^\circ\text{C}$ , độ ẩm tương đối $(91 \div 95) \% \text{RH}$ |                | TCVN 10885-2-1:2015/<br>IEC 62722-2-1:2014 |                                        |                   |
| 2.1       | Điện trở cách điện                                                                                              | MΩ             |                                            | $\geq 2$                               | > 200             |
| 2.2       | Thử nghiệm độ bền điện áp 1440 V/1 phút, tần số 50 Hz                                                           |                |                                            | Không bị phóng điện bề mặt, đánh thủng | Đạt               |
| 3         | Thông số điện, quang khi cấp điện áp nguồn 220V/50Hz                                                            |                |                                            |                                        |                   |
| 3.1       | Công suất                                                                                                       | W              |                                            | $\leq 200 + 10\%$                      | 200,7             |
| 3.2       | Dòng điện                                                                                                       | mA             |                                            | --                                     | 933,6             |
| 3.3       | Hệ số công suất                                                                                                 |                |                                            | $\geq 0,9 - 0,05$                      | 0,978             |
| 3.4       | Quang thông                                                                                                     | lm             |                                            | $\geq 21\,000 - 10\%$                  | 26\,580           |
| 3.5       | Hiệu suất phát sáng                                                                                             | lm/W           |                                            | $\geq 105 - 20\%$                      | 132,4             |
| 3.6       | Nhiệt độ màu tương quan (CCT)                                                                                   | K              |                                            | --                                     | 6\,615            |
| 3.7       | Hệ số thể hiện màu (CRI)                                                                                        |                |                                            | $\geq 80 - 3$                          | 85,0              |